

Bản án số: **09/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 28-01-2021

Về việc ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Mạnh Huê
2. Bà Hoàng Thị Thiệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lài - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 28/01/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 624/2020/TLST-HNGĐ ngày 08/10/2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 172/2020/QĐXX-ST ngày 31/12/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20/01/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Khúc Thị T**; sinh năm 1964; hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Số A, phố L, phường Đ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T**; sinh năm 1960; hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Số A, phố L, phường Đ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại Đơn xin ly hôn, các Bản tự khai, Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, nguyên đơn là bà Khúc Thị T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 30/7/1986 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, thành phố Hải Phòng. Trước khi kết hôn, ông bà chưa ai kết hôn lần nào. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống tại xã H, huyện C, thành phố Hải Phòng. Đến năm

1991, ông bà chuyển đến thành phố Hải Phòng sinh sống. Đến tháng 9/2000, gia đình ông bà chuyển lên Hà Nội sinh sống tại địa chỉ: Số A, phố L, phường Đ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội từ đó cho đến nay.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối tháng 10/2010 thì phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống khác biệt, tính tình không phù hợp, không hiểu nhau nên vợ chồng thường nảy sinh những bất đồng, xung đột, cãi cọ khiến cho cuộc sống luôn căng thẳng mệt mỏi và ông bà phải sống ly thân. Mâu thuẫn càng trầm trọng khi ông T thường xuyên sử dụng rượu say, không kiểm soát được hành vi nên đã có những hành vi bạo lực đối với bà như: đẩy xuống nền nhà, túm tóc...hoặc dùng những lời lẽ thiếu văn hóa, xúc phạm danh dự, ngăn cấm bà đi làm thêm...Việc ông T đối xử với bà như trên diễn ra thường xuyên trước mặt các con khiến bản thân bà và các con đều bị sợ hãi, tổn thương nghiêm trọng. Thậm chí, ông T đã nhiều lần đe dọa bà và anh chị em bà khiến bà luôn sống trong bất an, lo lắng cho sự an toàn của mình và những người thân khác. Hơn nữa, bản thân bà là phụ nữ nhưng nhiều năm qua, bà phải gồng mình gánh vác kinh tế trong gia đình, nuôi các con ăn học không một lời than thở nhưng nhận lại là sự đối xử bất công từ ông T nên bà cảm thấy vô cùng cực nhọc. Do không thể chịu nổi những bạo hành về tinh thần, sức khỏe, những cảm đoán hết sức vô lý trên nên bà phải ra khỏi nhà đi ở nhờ từ tháng 01/2017.

Đến cuối năm 2017, con trai bà xây dựng gia đình. Với mong muốn con mình được hạnh phúc nên bà đã về nhà để cùng ông T chuẩn bị mọi việc cho con. Những tưởng niềm vui của con và quãng thời gian gần một năm bà không ở nhà, ông T sẽ nhận ra sai lầm để sửa chữa và thay đổi. Nhưng ông T vẫn uống rượu, chửi bới, xúc phạm và có những hành động bạo lực đối với bà. Những lần xô xát ấy đều có sự chứng kiến của tổ dân phố và có lần họ đã phải vào can ngăn và kéo ông T ra khỏi nhà. Là người chồng nhưng ông T không hề có trách nhiệm, chia sẻ mọi việc trong gia đình, không biết vun vén và giữ gìn hạnh phúc. Là người cha nhưng ông không cho con được mái nhà êm ấm hạnh phúc. Bà luôn sống trong cảnh bất an, lo sợ ngay trong chính ngôi nhà của mình. Những hành vi của ông T như trên đã khiến cho tinh thần bà lâm vào bế tắc, chán chường và có những suy nghĩ tiêu cực. Do đó bà lại phải rời nhà đi ở nhờ, ông bà sống ly thân từ tháng 2/2020.

Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nguyên vọng của bà là muốn được ly hôn với ông T để chấm dứt quan hệ hôn nhân không hạnh phúc này, nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T để bà sớm ổn định tư tưởng và cuộc sống.

Về con chung: Bà xác nhận bà và ông T có hai con chung là: anh Nguyễn Bảo T sinh ngày 21/7/1987 và anh Nguyễn Minh S sinh ngày 30/7/1999. Do các con đã trưởng thành, anh Nguyễn Bảo T đã có gia đình

riêng, có công việc ổn định; anh Nguyễn Minh S hiện đang học Cao đẳng nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề giao nuôi con và cấp dưỡng.

Về tài sản chung gồm động sản và bất động sản: Bà xác nhận tự thỏa thuận với ông T nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: bà xác nhận ông bà không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nên bà không yêu cầu Tòa giải quyết.

[2] Tại Bản tự khai, Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, bị đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông xác nhận ông và bà Khúc Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 30/7/1986 tại UBND xã H, huyện C, thành phố Hải Phòng. Trước khi kết hôn, ông bà chưa ai kết hôn lần nào. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống tại xã H, huyện C, Hải Phòng khoảng bốn năm, sống ở thành phố Hải Phòng khoảng chín năm, sau đó đến năm 2000 chuyển lên Hà Nội sống cho đến nay tại địa chỉ: Số A, phố L, phường D, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Quá trình chung sống, ông bà có những mâu thuẫn nhỏ nhưng không trầm trọng. Một năm trở lại đây mâu thuẫn nhiều hơn, nguyên nhân là do vài lần ông có uống rượu say không kiểm soát được hành vi nên đã có những lời nói xúc phạm, đe dọa và tát bà T khiến cho bà T giận dữ bỏ sang nhà chị gái ở nên ông bà đã sống ly thân khoảng 3 tháng nay, ông gọi điện nhưng bà T không nghe máy. Tuy nhiên khi tỉnh rượu, ông đã nhận thức được hành động, lời nói của mình đối với bà T là sai. Sự việc này cũng đã diễn ra nhiều lần nhưng ông hứa sẽ chấm dứt nếu bà T quay về đoàn tụ.

Ngoài ra trong cuộc sống, giữa ông bà cũng có quan điểm, lối sống và tính cách khác biệt nhau, bà T muốn bằng bạn bằng bè, hiện ông đang làm thợ điện sửa chữa tại nhà nhưng bà T muốn ông phải đi làm bảo vệ hoặc công việc khác ông không muốn nên giữa ông và bà T nảy sinh những bất đồng, không thể giải quyết được. Hiện tại, ông và con trai thứ hai đang ở nhà mình, còn bà T sống bên nhà chị gái, không liên lạc gì với ông.

Nay bà T có đơn xin ly hôn, ông cho rằng vẫn còn tình cảm với bà T, hơn nữa hiện nay ông bà đã cao tuổi nên ông không muốn phá vỡ hạnh phúc gia đình, để ảnh hưởng đến con cái và điều tiếng cho họ hàng. Vì vậy, ông không đồng ý ly hôn với bà T và mong bà T rút đơn quay về đoàn tụ, hàn gắn tình cảm gia đình. Tuy nhiên việc bà T có đơn xin ly hôn ra Tòa án là quyền của bà, ông cũng không thể can thiệp. Trong trường hợp bà T vẫn muốn ly hôn thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Ông xác nhận có hai con chung là anh Nguyễn Bảo T sinh ngày 21/7/1987 và anh Nguyễn Minh S sinh ngày 30/7/1999. Hiện các con ông bà đều đã trưởng thành nên ông cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề giao nuôi con và cấp dưỡng.

Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản) và vay nợ chung: Vì không đồng ý ly hôn nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản chung.

Về vay nợ chung: ông xác nhận ông bà không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nên ông không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Khúc Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại phiên tòa. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 30/7/1986 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, thành phố Hải Phòng nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu ly hôn của bà T thấy: Ông bà phát sinh mâu thuẫn từ cuối tháng 10/2010, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, ông T sử dụng rượu say, không làm chủ hành vi, đã có lúc tát bà T, dẫn đến cãi vã, xô xát, va chạm trong gia đình. Sự việc này, bản thân ông T và Tổ dân phố có ý kiến xác nhận. Hiện nay, bà T và ông T không sống chung, không quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống vợ chồng, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc, tốt đẹp đã không thể thực hiện được, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T. Về con chung: Ông bà có hai con chung đều đã trưởng thành, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và ông bà đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề nuôi con, cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nhà đất chung và vay nợ chung: Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Bà T là nguyên đơn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bị đơn là ông Nguyễn Văn T có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại địa chỉ: Số A, phố L, phường Đ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, nên theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng.

- Về việc giải quyết vắng mặt bị đơn: Ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Khúc Thị T đối với ông Nguyễn Văn T thấy:

Bà Khúc Thị T đối với ông Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 30/7/1986 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, thành phố Hải Phòng nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, đến năm 2010, ông bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống khác biệt, vợ chồng không có sự đồng cảm, chia sẻ, thương yêu và tôn trọng lẫn nhau, nên thường nảy sinh những bất đồng, xung đột, cãi cọ. Ngoài ra, có lúc ông T sử dụng rượu say, không làm chủ hành vi, lời nói nên dẫn đến vợ chồng xô xát, va chạm, khiến cho bà T luôn sống trong cảm giác lo sợ, bất an về tinh thần. Sự việc này, bản thân ông T và chính quyền địa phương đã có ý kiến xác nhận. Hiện nay, bà T và ông T không sống chung với nhau, không thực hiện các nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân gia đình là: thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, chia sẻ, thực hiện các công việc của gia đình. Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc tốt đẹp đã không thể thực hiện được. Như vậy, đủ cơ sở thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Khúc Thị T và ông Nguyễn Văn T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T, giải quyết cho bà T được ly hôn ông T.

Về con chung: Bà T và ông T cùng xác nhận có hai con chung là: anh Nguyễn Bảo T sinh ngày 21/7/1987 và anh Nguyễn Minh S sinh ngày 30/7/1999. Hiện các con chung đều đã trưởng thành, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề nuôi con và cấp dưỡng, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nhà đất chung và vay nợ chung: Bà T và ông T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà T là nguyên đơn, phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và

Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Khúc Thị T đối với ông Nguyễn Văn T. Bà Khúc Thị T được ly hôn ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Bà Khúc Thị T và ông Nguyễn Văn T xác nhận có hai con chung là: anh Nguyễn Bảo T sinh ngày 21/7/1987 và anh Nguyễn Minh S sinh ngày 30/7/1999. Hiện các con chung đều đã trưởng thành, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, bà T và ông T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề nuôi con và cấp dưỡng, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nhà đất chung và vay nợ chung: Bà Khúc Thị T và ông Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Khúc Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 003535 ngày 08/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Án xử sơ thẩm công khai, có mặt bà T, vắng mặt ông T. Bà T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*** Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng;
- UBND xã H, huyện C, TP. Hải Phòng (ĐKKH số 26, quyền 01/86 ngày 30/7/1986);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Phương Thủy